

CUỘC ĐẠI CHIẾN Ở SÔNG SƠN – BƯỚC PHÁT TRIỂN MỚI CỦA CHUỖI TRUYỀN THUYẾT VỀ THÁNH MẪU LIỄU HẠNH TRONG TÍN NGƯỠNG THỜ MẪU TAM PHỦ, TỨ PHỦ

Nguyễn Thị Quế

Khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Hồng Đức

Tóm tắt. Truyền thuyết về cuộc đại chiến ở vùng Sông Sơn giữa công chúa Liễu Hạnh với Tam thánh Nội đạo tràng là sự kết thúc mở bởi nó mang đến sự khởi đầu mới: Khởi đầu về vai trò, địa vị nhân vật Liễu Hạnh sau khi hiển Thánh; khởi đầu về sự ra đời của dòng tín ngưỡng bản địa thờ Mẫu Tam phủ, Tứ phủ ở nước ta khi công chúa Liễu Hạnh quy y Phật giáo. Trên phương diện văn học và văn hóa, những truyện kể về đại chiến ở Sông Sơn cũng góp phần lí giải sự xung đột và dung hòa tín ngưỡng, tôn giáo trong tín ngưỡng thờ Mẫu.

Từ khóa: Sông Sơn đại chiến, truyền thuyết, Thánh Mẫu Liễu Hạnh, Nội đạo tràng, tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, Tứ phủ.

1. Mở đầu

Nhắc đến Thánh Mẫu Liễu Hạnh mọi người sẽ nghĩ đến Phủ Giầy - nơi được coi là quê hương bản quán của Mẫu, thánh địa thờ Mẫu ở miền đất Nam Định; đây là nơi mà hai trong ba lần Mẫu đã giáng sinh và sống cuộc sống trần thế. Bên cạnh đó, Thanh Hóa cũng là nơi ghi đậm dấu ấn của Mẫu Liễu: Nơi giáng trần và hiển Thánh, đồng thời phát xuất hình thức tín ngưỡng dân gian thờ Mẫu Tam phủ, Tứ phủ. Không chỉ vậy, nơi đây cũng đánh một dấu mốc vô cùng quan trọng với chuỗi truyền thuyết về Mẫu Liễu Hạnh và khẳng định vị thế của Mẫu qua các truyện kể về cuộc đại chiến ở Sông Sơn. Cuộc chiến tại Sông Sơn có thể coi là chiến tranh tín ngưỡng bản địa giữa Nội đạo tràng và tín ngưỡng thờ Mẫu, qua đó thể hiện mối quan hệ giữa tín ngưỡng thờ Mẫu với Nội đạo tràng, tín ngưỡng thờ Mẫu với Phật giáo tại Việt Nam.

Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, chúng tôi xin được khái quát những công trình nghiên cứu xoay quanh truyện kể về Thánh Mẫu Liễu Hạnh nói chung và đại chiến Sông Sơn nói riêng. Nhìn chung, chuỗi truyện kể về Thánh Mẫu Liễu Hạnh (công chúa Liễu Hạnh, Mẫu Liễu, Vân Hương Thánh Mẫu, Tiên chúa...) được lưu truyền rộng rãi trong dân gian với nhiều dị bản, giao thoa giữa các thể loại truyện cổ tích, truyền thuyết. Bên cạnh đó, nhân vật Thánh Mẫu Liễu Hạnh còn lưu truyền trong các loại thư tịch: Ngọc phả, thần phả, thần tích, sắc phong, bi ký... khiến cho sự ảnh hưởng của Liễu Hạnh càng có sức lan tỏa rộng rãi trong văn học cũng như đời sống tinh thần của con người.

Qua khảo sát các truyện kể trong dân gian và thư tịch cũng như các ghi chép, san định giúp chúng tôi thấy được hai giai đoạn về hành trạng của Mẫu Liễu. Nhân vật Liễu Hạnh trong *Vân Cát thần nữ* (Đoàn Thị Điểm) [1], *Tiên chúa Vân Cát* (trích *Liệt tiên truyện*) [2], *Hội chân biên* (Thanh Hòa Tử, Quế Hiên Tử) [3]... lưu hành ở giai đoạn sớm; trong *Thần tích thôn Đồng Duệ*,

Ngày nhận bài: 29/12/2022. Ngày sửa bài: 22/1/2023. Ngày nhận đăng: 5/2/2023.

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Quế. Địa chỉ e-mail: nguyenthique@hdu.edu.vn

huyện Đông Sơn, tổng Quảng Chiếu, tỉnh Thanh Hóa “Phả ghi về đền thờ Liễu Hạnh công chúa” [4], *Tứ bất tử* (Vũ Ngọc Khánh, Ngô Đức Thịnh) [5], *Nữ thần và Thánh Mẫu* (Vũ Ngọc Khánh, Mai Thị Ngọc Chúc, Phạm Hồng Hà) [6], *Các nữ thần Việt Nam* (Đỗ Thị Hảo, Mai Thị Ngọc Chúc) [7], *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam* (Nguyễn Văn Huyền) [8]; *Kho tàng truyện cổ tích người Việt* (Nguyễn Đồng Chi) [9]... lưu truyền ở giai đoạn muộn về sau. Những bản kể xuất hiện muộn đã được người kể, người ghi chép bổ sung, thêm thắt một số chi tiết về công chúa Liễu Hạnh biến hình khuyến thiện trừng ác, trừng trị hoàng tử, pháp sư, về cuộc đại chiến Sông Sơn, sự thụ pháp Phật giáo và hiển thánh... tạo bước ngoặt trong sự phát triển của mạch tự sự về Mẫu Liễu, góp phần nâng cao quyền uy của Bà chúa Liễu Hạnh.

Một điều thú vị, lớp truyện kể về lai lịch, quê quán của Bà chúa Liễu Hạnh còn xuất hiện trong các tập sách viết tay bằng chữ Latinh *Opusculum de Sectis Apud Sinenses et Tunkinenses* (*Luận bàn về các phái của người Trung Hoa và Đàng Ngoài*) [10] và chữ quốc ngữ đời đầu *Tam giáo chư vọng* của Giáo sĩ Adriano di St Thecla và các thừa sai truyền giáo vào Việt Nam. Hai công trình này chứng tỏ tầm ảnh hưởng của nhân vật Liễu Hạnh rất lớn trong đời sống tinh thần của người Việt và tác động, thu hút sự quan tâm của người phương Tây. Mặc dù, thông tin về nhân vật bà chúa Liễu Hạnh trong các ghi chép này có những điểm không giống với các tài liệu lưu truyền tại Việt Nam: Liễu Hạnh từng làm con hát và bị chết rồi ném xác xuống sông (chúng tôi xin phản biện và luận giải ở công trình khác để khẳng định phẩm chất, uy quyền của bà chúa Liễu Hạnh trong đời sống tinh thần người Việt). Tuy vậy, đây là những thông tin về Liễu Hạnh xuất hiện ở phương Tây từ rất sớm, có thể nói song song với những tài liệu Hán Nôm, truyền ngôn ở Việt Nam thế kỉ XVI, XVII.

Nhìn chung, các bản kể về nhân vật Thánh Mẫu Liễu Hạnh rất phong phú và mang thường mang một khung ổn định về thân thế và ba lần giáng sinh. Những chi tiết xuất hiện sau có thể thoảng qua hoặc đậm nét nhưng đều mang sắc thái địa phương với những địa danh, những dấu tích, di vật còn lưu lại tô đậm màu sắc huyền thoại cho nhân vật này.

Từ mạch truyện kể, đặc biệt từ Hội thảo “Bước đầu tìm hiểu thần thoại và truyền thuyết Mẫu Liễu” tổ chức tại Văn miếu Quốc Tử Giám năm 1992, với nhiều bài viết của các nhà nghiên cứu của Trần Thị An: *Sự vận động của truyền thuyết về Mẫu qua những truyện kể về Liễu Hạnh và truyền thuyết về nữ thần Chằm* [11], Nguyễn Thị Huế: *Từ Phật mẫu Man Nương đến Thánh mẫu Liễu Hạnh* [12], Lã Duy Lan: *Liễu Hạnh trong “Vân Cát thần nữ” và Liễu Hạnh trong tâm thức dân gian* [13]; Ngô Đức Thịnh: *Tục thờ mẫu Liễu Hạnh - một sinh hoạt tín ngưỡng - văn hóa cộng đồng* [14]... về Thánh Mẫu Liễu Hạnh dưới góc độ văn học và liên văn hóa: So sánh truyện về Mẫu Liễu với truyện về nàng Mị, Quan Âm Thị Kính, với Phật mẫu Man Nương... Những công trình này bàn đến những vấn đề về mối quan hệ giữa nhân vật Thánh Mẫu Liễu Hạnh với các nhân vật nữ thánh trong tôn giáo khác, với dân tộc khác để thấy được quá trình phát triển của kiểu truyện cũng như sự phong phú, đa dạng, ưu thế xoay quanh nhân vật Mẫu Liễu so với các nhân vật khác; đồng thời đặt nền cho nhiều công trình khác nghiên cứu về Thánh Mẫu Liễu Hạnh từ nhiều góc tiếp cận khác nhau qua các nghiên cứu của Phạm Quỳnh Phương, Chu Xuân Giao, Nguyễn Thị Yên, Nguyễn Thị Nguyệt, Nguyễn Đạt Thức... Tuy nhiên, câu chuyện về cuộc chiến tại Sông Sơn giữa An Đông Nội đạo tràng và chúa Liễu chỉ dừng lại ở các bản kể của truyền thuyết, thần tích; các công trình nghiên cứu về truyền thuyết này còn rất mỏng. Bài viết *Mối quan hệ giữa Mẫu Liễu Hạnh và Nội đạo tràng* của Đỗ Lan Phương đã phác lại nguồn gốc của Nội đạo tràng và chỉ ra mối quan hệ giữa Mẫu Liễu và Nội Đạo tràng phản ánh sự xung đột trong các nhóm phái của Đạo giáo phù thủy ở Việt Nam, là quá trình chuyên hóa để hình thành một dòng Đạo mới; đồng thời còn là sự phản chiếu đời sống xã hội, đời sống tư tưởng và tình cảm của người Việt thế kỉ XVII [15]. Tiếp cận từ góc nhìn văn hóa, tác giả Đỗ Lan Phương đã góp phần khẳng định vị thế của Mẫu Liễu sau đại chiến ở Sông Sơn.

Các công trình sưu tầm, nghiên cứu truyền thuyết về Thánh Mẫu Liễu Hạnh nói chung, về Sông Sơn đại chiến nói riêng đã góp phần tìm hiểu, khám phá những giá trị của truyền thuyết này dưới nhiều góc độ làm nổi bật hình tượng và uy quyền của Mẫu Liễu. Đó là những công trình có tính chất đặt nền và gợi mở quý báu cho chúng tôi thực hiện đề tài này.

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu phân tích, tổng hợp nhằm làm nổi bật giá trị của các truyện kể đại chiến ở Sông Sơn trong dòng tín ngưỡng bản địa và Phật giáo. Bên cạnh đó, bài viết cũng sử dụng phương pháp nghiên cứu liên ngành để có một cái nhìn cụ thể, toàn diện về giá trị của truyền thuyết về Thánh Mẫu Liễu Hạnh trong tín ngưỡng thờ Mẫu.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Hai dòng tín ngưỡng bản địa ra đời trong thời loạn

Cuối thế kỉ XV, sau đỉnh cao Đại Việt, vương triều Lê khủng hoảng, suy vong; tình hình chính trị, xã hội nước ta bất ổn bởi xảy ra cuộc chiến Nam - Bắc triều (nhà Lê - nhà Mạc) từ 1533 - 1593, sau đó là thời kì Trịnh - Nguyễn phân tranh (từ 1627 đến cuối thế kỉ XVIII). Sự mất ổn định về chính trị, khủng hoảng kinh tế đã gây ra nhiều hệ lụy đến đời sống văn hóa, xã hội, nhân dân cơ cực, lầm than, mất niềm tin vào cuộc sống... Trong hoàn cảnh đó, ở nước ta đã thai nghén hai dòng tín ngưỡng bản địa: Nội Đạo tràng, tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, Tứ phủ.

Nội Đạo tràng là một dòng tín ngưỡng phát tích từ làng Bồi Nguyên, xã An Đông, tổng Thủ Chính, huyện Quảng Xương (nay là làng Mậu Xương, xã Quảng Lưu, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa) do Trần Ngọc Lành khởi xướng. Theo nghiên cứu của Bùi Quang Thanh trong *Bước đầu khảo sát Nội đạo tràng vùng Quảng Xương, Thanh Hóa* [16] thì các công trình ghi chép sớm nhất về Nội đạo tràng là *Đại Nam Lê triều Thanh Hóa Nội Đạo Tràng tam thánh bảo lục* được soạn năm 1660, trung san năm 1807, không rõ tác giả, cuốn *Nội Đạo Tràng liệt thánh bảo lục* do Nguyễn Tảo, tự Pháp Ngôn, hiệu Văn Trai biên soạn, in năm 1902 - Thành Thái Nhâm Dần, (hai cuốn này được lưu tại thư viện Hán Nôm). Sau đó có thêm ghi chép *Tang thương ngẫu lục* của Phạm Đình Hổ, Nguyễn Án [17]; *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam* của Nguyễn Đồng Chi [9]. Bài thuyết trình ngày 5-1-1940 của giáo sư Nguyễn Văn Huyền in trong bộ sách *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam* [8], *Thần tích thôn Đồng Duệ, huyện Đông Sơn, ổng Quảng Chiếu, tỉnh Thanh Hóa* “Phả ghi về đền thờ Liễu Hạnh Công chúa” [4] do Hàn lâm viện, Đông các Đại học sĩ, thần Nguyễn Bính phụng soạn vào mùa xuân năm Hồng Phúc 1(1572), năm Tự Đức 29 (1876) phụng sao sự tích đem về phụng thờ; của Nguyễn Bích Thực, Lê Văn Dương: *An Đông Nội đạo tràng - một dòng tín ngưỡng bản địa* [18]... đều thuật là sự ra đời và phát triển của Nội đạo tràng và khẳng định đây là dòng tín ngưỡng bản địa của nước ta. Nội đạo tràng, theo các tài liệu ghi chép và theo truyền ngôn trong dân gian: Ông Trần Ngọc Lành là con cầu tự của Quỳnh Lâm hầu Trần tướng công thuộc gia tộc trâm anh thế phiệt. Ông không màng công danh mà từ quan, làm nhiều việc thiện nghĩa động lòng trời; hơn nữa Trần Ngọc Lành khi gặp Dược Sư Lưu Ly Quang Không Phật đã xin xả thân đầu giáo nên được giao trọng trách cai quản tà thần, ác quỷ ở Tam phủ; được Thượng Không Phật truyền lại cho các phép bắt quỷ và các con triện nhiệm mầu rồi trở thành Thượng sư. Ông chuyên tâm Phật pháp, học đạo và có sức mạnh đặc biệt đứng đầu dòng đạo này. Thượng sư sinh được ba người con, trên vai đều có chữ: Nhật Quang (Tả Quan thánh), Nguyệt Quang (Hữu Quan thánh) và Ngọc Quang (Tiền Quan thánh). Họ đều tuấn tú, thông minh, nghị lực, và đều đậu kì thi hương nhưng không ra làm quan mà ngày đêm chăm chỉ tập luyện bí pháp của Nội đạo để cứu đời. Nội đạo chỉ thu nhận nam giới tu luyện mà không có nữ giới; chủ yếu dùng linh ấn, linh quyết, bắt quỷ chữa bệnh, trừ tà, trừ yêu ma, có thể hô phong hoán vũ, sức mạnh vô biên... Thượng sư đã trừ hồ tinh trong rừng, hung thần trên biển, yêu ma trên đất liền... nhất là chữa trị khỏi căn bệnh lạ cho vua Lê Thần Tông đã làm cho vai trò, uy quyền của Nội đạo tăng lên bội phần. Chính tay vua Lê Thần Tông ban chữ “Nội Đạo Tràng” và phong là Nội Đạo chính tông. Sau khi tịch và

hóa Phật, Thượng sư được phong là *Phục ma thượng đẳng phúc thần* [8; tr 223]. Các bí pháp đều truyền lại cho tam thánh kế nghiệp với mục đích cứu đời độ thế.

Cũng trong thời kì đó, báo hiệu sự xuất hiện lớp tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, Tứ phủ qua truyền thuyết và cứ liệu về công chúa Liễu Hạnh. Đây là nhân vật từ cõi tiên giáng xuống cõi trần gian, được ghi chép, san định trong nhiều công trình: *Vân Cát thần nữ* (trong *Truyền kì tân phả*), *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, *Tứ bất tử*, *Nữ thần Thánh mẫu*, *Hội chân biên*, *Quảng Cung linh từ phả kí*... Nội dung chuỗi truyền thuyết về Đệ nhị Tiên chủ Quỳnh Nương công chúa Liễu Hạnh - con gái của Ngọc Hoàng vì lỡ tay đánh vỡ chén ngọc nên bị biếm trích trần gian. Vì duyên nợ trần gian nên công chúa Liễu Hạnh đã giáng trần tới ba lần, trong đó có một lần ở Thanh Hóa (có ý kiến cho là lần giáng trần thứ hai của bà tại Phố Cát, huyện Thạch Thành; có ý kiến cho là giáng trần lần thứ ba ở Tây Mỗ hay Tây Mụ, huyện Hà Trung) sau này hiển thánh ở Sông Sơn. Tại Thanh Hóa, công chúa Liễu Hạnh đã vân du nhiều nơi, biến hình vạn trạng, làm nhiều việc khuyến thiện, trừng gian, thể hiện uy thế uy hiếp đối phương... mỗi việc bà làm đều để lại dấu ấn trong nhân dân: hoặc sùng kính, hoặc hoảng sợ mà nhất mực nghe lời của bà. Việc xây đền nơi phố Cát hoặc đền Sông Sơn đều là sự hiển linh của bà ứng vào người dân để báo mộng xây đền và tôn thờ bà, người ta coi bà là vị Thánh có quyền năng đặc biệt. Sau này Thánh Mẫu Liễu Hạnh trở thành thần chủ của đạo Mẫu Tam phủ.

Những sự kiện này chứng tỏ việc tôn thờ Thánh Mẫu Liễu Hạnh nằm trong mạch chảy văn hóa Việt Nam có *nguồn gốc* từ thời nguyên thủy: Tín ngưỡng thờ nữ thần, Mẫu thần. Nó thỏa mãn tâm lí của người nông dân cầu mong sự sinh sôi nảy nở; sau này là đáp ứng nhu cầu buôn bán của tầng lớp thương nhân ở đô thị, nhất là từ thế kỉ XVI-XVII trở đi trong *lịch sử chế độ phong kiến nước ta*. Tuy nhiên, một điều dễ thấy ngoài sự lạ kì ở việc ba lần giáng trần thì Thánh Mẫu Liễu Hạnh không mang dáng vẻ siêu nhiên, kì vĩ của một nữ thần vũ trụ, sự vĩ đại như mẹ xứ sở, hay một nữ thần sáng tạo ra văn hóa như Mẹ Trời, mẹ Đất, mẹ Lúa, Mẹ Âu Cơ, Mẹ Gióng... thậm chí không mang sự uy nghi, dũng mãnh như Bà Trưng, Bà Triệu khi xung trận chống lại kẻ thù... song trong tâm thức người dân, công chúa Liễu Hạnh lại có vị trí vô cùng quan trọng. Có lẽ điều này là một sự tích hợp trong con người Mẫu Liễu: xuất thân từ cõi tiên thanh thoát, nhẹ nhàng; khi giáng trần trở thành người cốt cách Nho phong mang đủ: Công, dung, ngôn, hạnh: hiếu thuận, yêu chồng, thương con, chăm lo làm ăn...; bên cạnh đó có sự hiển lương, đức hạnh của Phật giáo. Khi không còn vướng bận gia môn, bà chu du khắp cõi để tay cứu đời, không để những bất bằng trong thiên hạ, biết tự làm ăn, buôn bán, biết giận dữ, biết yêu thương, biết dùng mưu tính kế, thẳng tay trừ ác, biết dùng uy vũ, thậm chí giương oai tác quái để khuất phục thần linh, thổ công, hà bá trong vùng khi cần... Dường như, tích hợp trong Mẫu Liễu có cả Thiên thần, Phúc thần, Ác thần, Nhân thần. Tất cả biểu hiện đó, khiến cho những huyền sử về bà thêm phần linh diệu, thiêng liêng nhưng cũng rất đời gần gũi với đời sống trần thế của con người. Bà là điểm tựa, là nơi con người kí thác những mong ước, khát vọng về *đời sống trần thế* của mình, đạt tới sức khỏe và tài lộc. Sự đồng cảm, sẻ chia của công chúa Liễu Hạnh khiến con người chôn trần ai (nhất là những người phụ nữ) cảm thấy rất thân quen, tin tưởng để nương nhờ. Người ta tìm thấy ở Mẫu sự bảo trợ cho cuộc sống từ vật chất đến tinh thần, từ những hành động đơn giản, bình dị đến những việc lớn lao. Niềm tin thiêng liêng ấy được nuôi dưỡng, được nhân lên, truyền bá rộng rãi trong dân gian; nơi nơi ngưỡng mộ và tôn thờ Thánh Mẫu Liễu Hạnh.

Hai dòng tín ngưỡng Nội đạo tràng và tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, Tứ phủ là tín ngưỡng bản địa đích thực mặc dù trong quá trình phát triển, nó đã thu nhận, dung hòa những ảnh hưởng của Đạo giáo, Phật giáo và Nho giáo. Sự ra đời của hai dòng tín ngưỡng này chính là di sản văn hóa Đông Nam Á, thể hiện sự phản kháng Hán hóa. Và điều đặc biệt là sự ra đời của chúng đều có nguồn gốc hoặc liên quan đến đất Thanh Hóa - miền đất đánh những dấu mốc của truyền thuyết về Thánh Mẫu Liễu Hạnh trong tiến trình phát triển của tín ngưỡng thờ Mẫu ở nước ta.

2.2. Đại chiến ở Sông Sơn - Cuộc xung đột giữa hai dòng tín ngưỡng bản địa nước ta

Cuộc đại chiến vùng Sông Sơn nằm trong chặng cuối của chuỗi truyền thuyết về Thánh Mẫu Liễu Hạnh (Tiên Chúa, Chúa Liễu, công chúa Liễu Hạnh, Vân Hương Thánh Mẫu) sau khi công chúa Liễu Hạnh giáng trần lần thứ ba. Đây là cuộc đụng đầu, giao tranh khốc liệt giữa chúa Liễu Hạnh với phái Nội đạo tràng. Thực ra, ban đầu giữa Nội đạo tràng và tín ngưỡng thờ Mẫu thần không có mâu thuẫn, hai dòng tín ngưỡng có những tôn chỉ riêng nhưng đều hướng đến nhân dân, vì thế giữa chúng không phụ thuộc, tranh giành sự ảnh hưởng hay quyền lợi (mặc dù Nội Đạo tràng được cai quản vùng núi Sông Sơn sau khi diệt yêu quái trên biển) nên không thanh trừng, không tiêu diệt lẫn nhau.

Giữa thời cuộc loạn lạc, nội chiến liên miên, nhân dân điêu linh, khi hệ tư tưởng Nho giáo độc tôn thay thế hoàn toàn cho tam giáo đồng nguyên, đồng quy thời Lý - Trần thì những mâu thuẫn, công kích giữa các tôn giáo; sự xô va giữa các tín ngưỡng xảy ra là điều hiển nhiên. Cả Nội đạo tràng và tín ngưỡng thờ Mẫu thoát thai đã mang đến luồng gió mới, góp phần giải quyết những bế tắc của con người lúc bấy giờ. Nội đạo ra đời có sự pha trộn màu sắc Phật giáo, Đạo giáo (Đạo giáo phù thủy), Nho giáo và những bí pháp riêng đã mang lại sự bình yên trong cuộc sống, tạo sự an tâm và một sức hút lạ với nhân dân trong vùng, bởi nó phần nào giải tỏa được tâm lý của con người trong bối cảnh này. Cộng vào đó là sự tin tưởng của nhà vua, sự hậu thuẫn của tư tưởng chính thống (triều đình) đã làm cho Nội Đạo tràng thêm phần thanh thế, từ làng An Đông (huyện Quảng Xương) đã phát triển, mở rộng địa bàn ra các huyện Hoảng Hóa, Bá Thước, Cẩm Thủy, Thạch Thành, Quan Sơn, Mường Lát... ở Thanh Hóa và đến các vùng khác như: Hà Nội, Hưng Yên, Hải Dương, Nghệ An... Còn tín ngưỡng thờ Mẫu đã trở thành chốn đi về an yên của mọi người khi họ cảm thấy đuối sức cần được Mẫu bảo trợ, che chở và tiếp sức trên chặng đường phía trước. Trong nội tại của tín ngưỡng thờ Mẫu ngoài những truyền thống của dân tộc, có sự tự do nhưng không vô vi lánh tục như Đạo giáo; hành đạo nhưng không gia trưởng, độc tôn của Nho giáo; có sự từ bi nhưng không kinh kệ như Phật giáo; sự ngưỡng vọng thành kính Mẫu, nhìn vào Mẫu mà tu chỉnh lại mình.

Cả hai dòng tín ngưỡng bản địa mới này sinh trên đất nước ta trong thời bất ổn đều mang lại những giá trị tốt đẹp cho cuộc sống của con người. Vậy nguyên nhân vì sao Nội Đạo tràng và Tiên chúa lại có cuộc đụng đầu ác liệt đến thế? Hoàn cảnh xã hội lúc bấy giờ chính là nguyên nhân, châm ngòi cho cuộc chiến diễn ra tại vùng núi Sùng Trăn (Sông Sơn - Thanh Hóa). Trước đây, Tiên chúa từng tác quái nhiều nơi, kinh động đến triều đình nhưng triều đình bất trị; khi vua Lê từ kinh thành về Thanh Hóa yết bái tổ tiên, đến vùng đèo Ba Dội - Sông Sơn đã bị Tiên chúa sai âm binh chặn đường. Do không xuống kiệu hành lễ với Tiên chúa mà nhiều kẻ bị ngã ngựa, đổ lọng, lật kiệu chết tại chỗ khiến vua tôi nhà Lê hoảng loạn phải quay lại kinh thành. Vua đã triệu vời pháp sư đến trị tội kẻ dám làm loạn nhân gian, dám cả gan cản đường mình. Khi biết thuật pháp của công chúa Liễu Hạnh cao siêu, khôn lường, mà các pháp sư, các thầy phù thủy cao tay được mời về để tiêu trừ Liễu Hạnh đều nhận thất bại thảm hại; nhà vua đã cho mời Nội Đạo tràng về kinh đô để giao nhiệm vụ tiêu diệt công chúa Liễu Hạnh. Vì nương nhờ cửa Phật nên Tiên Quan thánh đã từ chối, đến lần thứ hai sau những lời khẩn khoản của học trò xuất sắc, ngài mới đồng ý: *Thầy chúng ta được Phật Thích Ca Mâu Ni ủy quyền. Thầy có nhiệm vụ cứu dân độ thế. Bây giờ chúng ta không thể từ chối cứu sống nhân dân. Chúng ta phải tuân lệnh nhà vua. Và lại Sùng Sơn là địa bàn của chúng ta. Chẳng lẽ chúng ta chịu ngồi yên để nhìn mà không làm gì sao?* [8; tr 233]... Chính từ đây, theo lệnh vua mà hành sự, theo tôn chỉ của môn phái mà ra tay, Nội đạo tràng đã đồng ý tuyên chiến với Tiên chúa. Tiên Quan thánh đã đóng giả người bộ hành đến đền Sông để thăm dò thuật pháp của Tiên chúa. Khi công chúa Liễu Hạnh ngỡ gặp được cao nhân trên thượng giới hỗ trợ, nằng đã không ngần ngại mà trở tài. Tiên Quan thánh đã dùng vải đỏ che tay mà bắt quyết thu hết phép tài của Tiên chúa. Lúc Tiên chúa phát hiện ra thì đã muộn, tức giận, nằng chỉ còn cách bày binh bố trận để chiến đấu

với Nội đạo tràng. Cuộc chiến diễn ra hết sức khốc liệt, cả hai bên giao đấu với nhau ba bốn ngày liền, làm rung chuyển núi đồi. Tiên chúa bị vây hãm, trong lúc nguy khốn ấy, nàng đã biến thành con rồng và trốn xuống giếng, được sự che chở của Cửu Thiên Huyền Nữ song phái Nội đạo tràng đã bao vây tứ phía, dùng toàn bộ thuật pháp và bắt được công chúa Liễu Hạnh mang về kinh đô trị tội.

Cuộc chiến giữa Nội Đạo tràng mà Tiên Quân Thánh đứng đầu với Tiên chúa mang nhiều ý nghĩa: cuộc đối đầu, xung đột giữa hai dòng phái trong tín ngưỡng bản địa. Hai vị thánh chủ môn phái đã trở hết những thuật pháp cao siêu của mình để áp chế đối phương nhưng nếu phân tranh, so tài một màn thắng thắn, chưa hẳn Nội Đạo tràng đã thắng (vì Tiên Quân thánh phải dùng mẹo để lừa thu phép của công chúa Liễu Hạnh rồi bố trí thiên la địa võng mới có thể thắng được). Không chỉ vậy, điều này cũng gián tiếp, ngầm định đây là cuộc chiến giữa triều đình với tín ngưỡng thờ Mẫu mà Tiên chúa đại diện. Vì chính nhà vua đã loãn tin đi khắp nơi mời các pháp sư, phù thủy cùng quân triều đình đến để tiêu trừ công chúa Liễu Hạnh đang tác quái vùng Sông Sơn; cuộc chiến đang hồi gay gắt và thất bại liên tục khi chưa tìm được Tam thánh. Sự thất bại của quan quân nhà Lê trước Tiên chúa đã chứng tỏ sự bất lực, bế tắc của triều đình lúc bấy giờ; dẫn đến bế tắc trong đời sống của người dân. Đồng thời, cuộc chiến này cho thấy tư tưởng trọng nam khinh nữ của Nho giáo vẫn ngự trị. Đó chính là mầm mống báo hiệu những dòng tín ngưỡng mới ra đời; là ngòi dẫn cho nhiều cuộc chiến tranh cả về quân sự và tôn giáo, tín ngưỡng ở nước ta.

2.3. Cuộc đại chiến ở Sông Sơn - Chính thức sự thụ pháp của Phật giáo vào tín ngưỡng thờ Mẫu

Trong chuỗi truyền thuyết về Thánh Mẫu Liễu Hạnh, chúng ta dễ dàng nhận ra của sự dung hòa tôn giáo trong đó có màu sắc Phật giáo. Ở lần giáng sinh thứ nhất, cô gái Phạm Tiên Nga tài sắc, đức hạnh vẹn toàn, đã sớm có ý thức công đức sửa đền chùa, cấp lương bổng cho các vị hương sư, khuyên họ cố sức dạy dỗ con em nhà nghèo được học hành; bà đã dựng, tu sửa nhiều chùa ở Nam Định, Hà Nam. Đến lần giáng sinh sau, qua những chuyến chu du nơi sơn thủy hữu tình ở khắp mọi miền, lên miền Lạng Sơn, công chúa Liễu Hạnh đã gặp Trạng Bùng Phùng Khắc Khoan, trong cuộc đối đáp, bà đề lại thông điệp “Mão khẩu công chúa”, bên cạnh là cây gỗ dựng viết bốn chữ “Băng mã dĩ tẩu” [1; tr 109] ý muốn Trạng Bùng xây lại ngôi chùa đã cũ nát. Hai chi tiết đó xuất hiện trong những câu chuyện đầu tiên về cuộc đời Thánh Mẫu Liễu Hạnh. Đây là điểm độc đáo trong truyền thuyết vì trong thời kì nhà Lê khi Nho giáo trở thành hệ tư tưởng chính thống nắm quyền điều hành xã hội mà vẫn có những yêu cầu xây lại chùa chiền, hơn nữa lại đích thân hướng thẳng vào mệnh quan triều đình. Điều này cho thấy dù đã thất thế, không còn hưng thịnh, song Phật giáo vẫn còn những tác động sâu sắc đến tâm thức con người lúc bấy giờ. Phải chăng đó là nguyện vọng của dân chúng mà công chúa Liễu Hạnh vừa là người kết nối, vừa là người lãnh hội? Trong quá trình phát triển, Phật giáo khúc xạ vào văn hóa Việt Nam, đã hòa trộn vào dân gian được dân gian hóa, trong đó có tín ngưỡng thờ nữ thần, mẫu thần: Thờ Tứ Pháp, Phật Mẫu Man Nương..., công chúa Liễu Hạnh gửi con vào chùa khi mãn hạn biếm trích về trời... nhưng mức độ ảnh hưởng của Phật giáo còn mờ nhạt. Đến các truyện truyền thuyết về đại chiến Sông Sơn, ảnh hưởng của Phật giáo đến Liễu Hạnh ở một cấp độ khác. Khi cuộc chiến giữa nam thánh Nội đạo tràng với công chúa Liễu Hạnh đến hồi kết, Tiên chúa thua cuộc, bị bắt thì sự xuất hiện ứng cứu của Thích Ca Mâu Ni: *Công chúa Liễu Hạnh là con gái út của đấng Ngọc Hoàng. Tất nhiên tội của nàng là nặng. Nhưng nàng sẽ biết chuộc tội. Các con hãy tha cho nàng lần này để nàng có thể theo ta. Nàng sẽ nghe kinh của ta và luật của ta. Tại xứ sở trong sạch và yên tĩnh của ta, nàng sẽ đổi các dục vọng xấu xa của nàng thành lòng từ bi. Ta tin ở đức độ của các con* [8; tr 237]... cho thấy Phật giáo đã lan tỏa và tác động một cách trực tiếp, chủ động đến Tiên chúa. Liễu Hạnh cũng thể hiện sự sám hối. Trong tình cảnh này, Tiên Quân thánh phải đồng ý

theo quyết định của Phật tổ: ... *Lần này chúng tôi tha tội cho bà. Bà không được giết người trái với số mệnh của họ và hành hạ kẻ vô tội. Bằng không, luật Trời sẽ trừng phạt bà, mặc dù bà được Đức Phật bảo trợ* [8; tr 237]... Trước Phật tổ và Tiên Quan thánh, công chúa Liễu Hạnh cảm tạ và khẳng định mình sẽ quy y tụng niệm: *Từ nay trở đi, thiếp sẽ đổi tính hung dữ thành tính dịu hiền; thiếp sẽ luôn luôn tuân theo luật của Đức Phật. Thiếp sẽ không bao giờ dám động đến vũ khí của Trời cũng như sấm, gió của núi và sông* [8; tr 237]. Công chúa Liễu Hạnh đã nhận được áo cà sa, mũ hình hoa sen - trang phục của tín đồ Phật giáo. Từ đây, bà quy y nhà Phật và dành cả phần đời còn lại để tu thiện, cứu khổ, cứu đời. Tương truyền bà tụng niệm ở chùa Hương Tích và sau này được vua giao cai quản vùng Sông Sơn. Đây chính là thời điểm chuyển mình, mở đầu cho sự hành thiện tuyệt đối của Thánh Mẫu Liễu Hạnh.

Cái kết trong cuộc đại chiến này cho thấy Liễu Hạnh rõ ràng đã thất bại trước nam thánh Nội Đạo tràng trong cuộc giao đấu, nhưng bà lại không bị tiêu diệt (kể cả thần quyền và vương pháp), bởi ngay lúc nguy nan cấp bách ấy, công chúa Liễu Hạnh đã được Phật tổ ra tay cứu giúp. Điều này lại một lần nữa khẳng định sự bất tử của bà trong tín ngưỡng thờ Tứ bất tử của nhân dân ta. Tương truyền, sau khi được Phật cứu giúp và quy y Phật pháp thì tầm ảnh hưởng của Thánh Mẫu Liễu Hạnh đến đời sống tinh thần của nhân dân ngày càng sâu sắc. Trước đây, người dân tôn thờ bà với cả niềm sùng kính và khiếp sợ thì nay, người dân tôn vinh Thánh Mẫu Liễu Hạnh bằng niềm ngưỡng mộ thành kính thiêng liêng. Trong nội tại Thánh Mẫu Liễu Hạnh mang đầy đủ những điểm mạnh của tôn giáo Việt Nam lúc bấy giờ. Nhưng đến khi những hạnh đạo của Phật giáo chính thức được tu niệm trong tâm, thụ pháp vào công chúa Liễu Hạnh để hành đạo đã làm cho vị thế của bà được nâng tầm. Từ một tiên nữ, công chúa Liễu Hạnh giáng làm người phạm trần, trải qua bao cung bậc tình cảm, qua cuộc sống gia đình, phiêu du khắp chốn thâu hiểu cuộc sống trần gian nhất là lúc loạn lạc như bấy giờ đến một vị thánh Mẫu tu trì đắc đạo, có quyền độ thế cho chúng dân ngang với Phật tổ. Mạch tín ngưỡng thờ nữ thần, mẫu thần có căn tính từ thời nguyên thủy khắc ghi những sự cống hiến lớn lao, đức hy sinh cao cả của người mẹ, tôn trọng nguyên lý Mẹ, đến nay càng hoàn thiện hơn trong Thánh Mẫu Liễu Hạnh vì có thêm sự thụ pháp của Phật giáo.

Về bản chất, Tiên chúa vẫn giữ những đạo hạnh, những phẩm chất riêng vốn có của riêng mình và tiếp nhận thêm Phật pháp; tinh thần từ bi, bác ái của Phật giáo đã cảm hóa và lấn át, thủ tiêu hết những ngang bướng, tà ác trước đây. Căn tính Phúc thần đã hoàn toàn thay thế và ngự trị phần Ác thần trong con người Liễu Hạnh. Trong chặng hành đạo tiếp theo, sau này của Thánh Mẫu Liễu Hạnh chỉ còn là sự tích đức nhân hạnh, gieo duyên lành vừa đẹp tan được những niềm lo lắng, bất ổn trong tinh thần con người, vừa giải quyết được những vấn đề xã hội phức tạp đang ngưng đọng, bế tắc trong đời sống. Vì vậy trong đời sống tâm linh của người dân, niềm tin về quyền năng của Mẫu Liễu càng tăng thêm. Nhân vật Liễu Hạnh là sự hỗn dung tôn giáo, tín ngưỡng trong dòng chảy văn hóa Việt Nam.

3. Kết luận

Truyền thuyết về cuộc đại chiến ở Sông Sơn là điểm nút nghĩa lý giải sự hình thành và định hình hình thức tín ngưỡng dân gian thờ Mẫu Tam phủ, Tứ phủ độc đáo của Việt Nam. Trên phương diện văn học, nó mang đầy đủ đặc điểm thi pháp của truyền thuyết, ghi lại cuộc chiến giữa hai nhân vật: Tiên Quan thánh và công chúa Liễu Hạnh là thánh chủ của hai phái, giao tranh để thể hiện quyền lực, sức mạnh siêu phàm của mình. Trên phương diện văn hóa, nó phản ánh xung đột tín ngưỡng và mở ra những bước ngoặt trong mối quan hệ giữa các tôn giáo tại Việt Nam. Đồng thời, truyện kể cũng góp phần giải thích sự phát triển, khẳng định quyền năng của Thánh Mẫu Liễu Hạnh trong tâm thức của người dân. Sự thất bại trong cuộc chiến với Nội Đạo tràng nhưng lại thắng thế bởi sự cứu độ của Phật Tổ đã mang đến một sự hoàn thiện, nhất quán trong cách hành thiện của Thánh Mẫu Liễu Hạnh. Nhân vật Liễu Hạnh đã vượt qua khuôn

khổ của Nho giáo: Thăng Tam thánh Nội Đạo tràng trên bình diện giới; hướng Phật hành thiện: Phúc thần thặng Ác thần (Thiện - Ác), cải tà quy chính, trở thành thần chủ trong điện thần thờ Mẫu, khẳng định sự bất tử của mình trong tâm thức dân gian.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đoàn Thị Điềm, 2013. *Truyền Kỳ tân phả*, (Ngô Lập Chi, Trần Văn Giáp dịch). Nxb Khoa học xã hội.
- [2] Viện Khoa học xã hội Việt Nam, 2004. *Tổng tập văn học dân gian người Việt*, tập 5, *Truyền thuyết dân gian người Việt*. Nxb Khoa học xã hội.
- [3] Thanh Hòa Từ, Quế Hiên Từ, 2021. *Hội chân biên*. (Nguyễn Thanh Tùng khảo cứu và dịch chú), Nxb Đại học Sư phạm.
- [4] *Thần tích thôn Đồng Duệ, huyện Đông Sơn, Tổng Quảng Chiếu, tỉnh Thanh Hóa*; ký hiệu Thư viện Viện Hán Nôm AEB2/5.
- [5] Vũ Ngọc Khánh, Ngô Đức Thịnh, 1991. *Từ bất tử*. Nxb Văn hóa dân tộc.
- [6] Vũ Ngọc Khánh, Mai Thị Ngọc Chúc, Phạm Hồng Hà, 2005. *Nữ thần và Thánh Mẫu*. Nxb Thanh niên.
- [7] Đỗ Thị Hào, Mai Thị Ngọc Chúc, 1993. *Các nữ thần Việt Nam*. Nxb Phụ nữ.
- [8] Nguyễn Văn Huyền, 1996. *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam*, tập 2. Nxb Khoa học xã hội.
- [9] Nguyễn Đồng Chi, 2000. *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*. Nxb Giáo dục.
- [10] Thecla, 2017. *Opusculum de Sectis Apud Sinenses et Tunkinenses*; Olga Dror chuyển sang tiếng Anh: *A Small Treatise on the Sects among the Chinese and Tonkinese: of Religion in China and North Vietnam in the Eighteenth Century*. Cornell-SEAP, Ithaca, NY. Bản tiếng Việt: *Luận về các phái của người Trung Hoa và Đàng Ngoài: Nghiên cứu về tôn giáo ở Trung Hoa và Bắc Việt Nam thế kỉ XVIII* (Nguyễn Thanh Xuân dịch, Võ Minh Tuấn hiệu đính). Nxb Thế Giới & Alphabooks, Hà Nội.
- [11] Trần Thị An, 1992. Sự vận động của truyền thuyết về Mẫu qua những truyện kể về Liễu Hạnh và truyền thuyết về nữ thần Chăm, *Tạp chí Văn học*, số 5, tr. 44 - 49.
- [12] Nguyễn Thị Huệ, 1992. Từ Phật mẫu Man Nương đến Thánh mẫu Liễu Hạnh, *Tạp chí Văn học*, số 5, tr48 - 53.
- [13] Lã Duy Lan, 1992. Liễu Hạnh trong “Vân Cát thần nữ” và Liễu Hạnh trong tâm thức dân gian, *Tạp chí Văn học*, số 5, tr40 - 43.
- [14] Ngô Đức Thịnh, 1992. Tục thờ mẫu Liễu Hạnh - một sinh hoạt tín ngưỡng - văn hóa cộng đồng, *Tạp chí Văn học*, số 5, tr 17 - 23.
- [15] Đỗ Lan Phương. “Mối quan hệ giữa Mẫu Liễu Hạnh và Nội đạo tràng”, <<http://phatgiaobaclieu.com/moi-quan-he-giua-mau-lieu-hanh-va-noi-dao-trang-ts-do-lan-phuong/>>, (truy cập ngày 15/11/ 2020).
- [16] Bùi Quang Thanh, Bước đầu khảo sát Nội đạo tràng vùng Quảng Xương, Thanh Hóa, *Tạp chí nghiên cứu Hán Nôm*, đăng tải trên <http://hocthuatphuongdong.vn/index.php?topic=5134.0> (truy cập ngày 15/11/2020).
- [17] Phạm Đình Hồ, Nguyễn Ân, 2016. *Tang thương ngẫu lục*. Nxb Khoa học xã hội.
- [18] Nguyễn Bích Thục, Lê Văn Dương, An Đông Nội đạo tràng - một dòng tín ngưỡng bản địa, *Tạp chí Di sản*, số 1 (30) 2010, tr 86 - 88.

ABSTRACT

Great war in Song Son – a new developing step in the legend of holy Mother Lieu Hanh in Vietnamese beliefs in Mother Goddesses of Three Realms, Four Realms

Nguyen Thi Que

Faculty Social Science, Hong Duc University

The legend of the great war in the Song Son region between Princess Lieu Hanh and the three Saints of Noi Dao Trang is an open ending because it starts a new beginning: the beginning of the role of Lieu Hanh's character after becoming a Saint; beginning of Vietnamese beliefs in the Mother Goddesses of Three Realms in our country when Princess Lieu Hanh took refuge in the Buddha. In terms of literature and culture, the story of the Song Son great war also explains the conflict and harmonizing religion in mother goddess belief.

Keywords: Song Son great war, legend, Lieu Hanh Mother Goddesses, Noi Dao trang, Vietnamese beliefs in the Mother Goddesses of Three Realms/Four Realms.